

Bản án số: 1421/2026/DS-ST

Ngày: 23/6/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Ngọc
- Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 409/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 302/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Dương Tường L**, sinh ngày 01/02/1969 (có mặt)
Căn cước số 060169009174, cấp ngày: 29/11/2021, tại: **Cục C** về TTXH.
Địa chỉ: **số D Lầu C T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.**
Địa chỉ liên lạc: B9 **Cư xá P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

2. Bị đơn:

Ông **Trần Chí N**, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Căn cước số 045071000254, cấp ngày: 23/01/2024, tại: **Cục C** về TTXH.
Địa chỉ: **số I N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Anh T**, sinh ngày 15/12/1959 (có mặt).
Căn cước số 079059015709, cấp ngày: 29/11/2021, tại: **Cục C** về TTXH.
Địa chỉ: **số D Lầu C T, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.**
Địa chỉ liên lạc: B9 **Cư xá P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.**

3.2. Bà **Nguyễn Thị Thùy T1**, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Địa chỉ: **số 1 N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*[1] Theo đơn khởi kiện, bản khai trình bày và đơn xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L**:*

Ngày 01/02/2019, bà **L** đã cho ông **N** vay số tiền là 200.000.000 đồng, ông **N** nêu lý do mượn làm vốn để mua vải may quần áo do Công ty vợ ông đứng tên với tên thương hiệu Thùy Trang. Ngày 01/02/2020, ông **N** mượn thêm 100.000.000 đồng. Sau đó, ông **N** trả dần cho bà **L** qua nhiều phương thức thanh toán như: chuyển khoản, đưa tiền mặt, trừ vào tiền hàng hóa do ông **N** may quần áo bỏ sỉ và bà **L** là người mua hàng của ông **N** để bán lại. Ông **N** đã trả được cho bà **L** 162.000.000 đồng nợ gốc và còn nợ lại 138.000.000 đồng nợ gốc. Bà **L** đã nhiều lần liên hệ với ông **N**, ban đầu ông **N** còn viết giấy hẹn nợ, còn liên hệ qua điện thoại nhưng khi đến ngày hẹn trả tiền thì ông **N** tắt máy. Bà **L** đã tìm đến nhà ông **N** rất nhiều lần nhưng ông **N** cố tình trốn tránh, không ra tiếp bà **L**.

Trước đây, bà **L** khởi kiện yêu cầu ông **N** trả số tiền gốc và lãi là 2%/tháng cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án. Nay bà **L** chỉ yêu cầu Tòa buộc ông **N** trả nợ gốc là 138.000.000 đồng. Về tiền lãi, bà **L** chỉ yêu cầu trả lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, nguyên đơn bà **L** không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

*[2] Bị đơn ông **Trần Chí N**:*

Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3.1] Bà **Nguyễn Thị Thùy T1**: Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng. Không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

[3.2] Ông **Lê Anh T**: Là chồng của bà **Nguyễn Dương Tường L**, ông **T** có biết việc bà **L** cho ông **N** vay tiền nhưng ông **N** không trả. Số tiền vay là tài sản của riêng cá nhân bà **L**, không liên quan đến ông **T** hoặc tài sản chung của vợ chồng ông bà. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông vì ông không có liên quan đến vụ án.

[4] Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn bà **L** xác nhận đã giao nộp đủ chứng cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **T** đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông vì ông không có liên quan đến vụ án. Bị đơn ông **N** và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **T1** mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa, nên Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải mà quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông **Trần Chí N** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thùy T1** tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Lê Anh T** có mặt tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử cho tham gia tố tụng tại phiên tòa.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án thực hiện đúng những quy định về thủ tục tố tụng.

- *Về nội dung:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **L** là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và quan điểm phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án

Nguyên đơn bà **L** khởi kiện bị đơn ông **N** để yêu cầu trả nợ vay. Bị đơn ông **N** cư trú tại địa bàn do Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh được phân cấp quản lý, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 1, 5, Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự

Bà **Nguyễn Dương Tường L** khởi kiện ông **Trần Chí N** để yêu cầu thanh toán số nợ, nên bà **Nguyễn Dương Tường L** tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn. Ông **Trần Chí N** là người bị kiện nên tham gia tố tụng với tư cách bị đơn. Bên liên quan đến nguyên đơn và bị đơn như ông **Lê Anh T** và bà **Nguyễn Thị Thùy T1** tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn ông **Trần Chí N** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Thùy T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ 2; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **N** và bà **T1** là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L**:*

Căn cứ vào giấy vay tiền, giấy hẹn nợ phù hợp với lời khai của bà **L** có đủ cơ sở xác định ông **N** có vay bà **L** số tiền gốc 300.000.000 đồng và đã trả được 162.000.000 đồng nợ gốc và còn nợ lại số tiền nợ gốc là 138.000.000 đồng. Nay nguyên đơn bà **L** chỉ yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi chậm thi hành án theo quy định pháp luật. Ngoài ra, nguyên đơn bà **L** không còn ý kiến, yêu cầu nào khác.

Bị đơn ông **Trần Chí N** là người vay mượn tiền của nguyên đơn bà **L** nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ và cũng không đến Tòa, không có văn bản trình bày ý kiến, cung cấp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chính bản thân mình. Về phía bà **Nguyễn Thị Thùy T1** theo nguyên đơn bà **L** thì bà **T1** là vợ ông **N** và cả ông **N** và bà **T1** đã hẹn nhiều lần nhưng không trả nợ cho bà **L**. Do vậy, Tòa án đưa bà **T1** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông **N**, bà **T1** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa lần thứ 2, không có văn bản trình bày ý kiến. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu do phía nguyên đơn bà **L** cung cấp và do Tòa án thu thập được để xét xử vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với ông **Lê Anh T** là chồng bà **L**, có biết ông **N** vay tiền của bà **L** không trả, nên Tòa án đưa ông **T** vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **L** buộc bị đơn ông **N** có trách nhiệm thanh toán số nợ gốc nêu trên cho nguyên đơn bà **L** là có cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **L** được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông **N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4 Điều 91; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 271 và khoản 1, khoản 3 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 1; Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào Điều 3; Điều 6 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L**:

Buộc bị đơn ông **Trần Chí N** trả cho nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L** số tiền nợ gốc là 138.000.000 (*một trăm ba mươi tám triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (khi bản án đã có hiệu lực pháp luật) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bị đơn ông **Trần Chí N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.900.000 (*sáu triệu, chín trăm nghìn*) đồng.

2.2. Nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. **H** lại cho nguyên đơn bà **Nguyễn Dương Tường L** số tiền tạm ứng án phí là 4.100.000 (*bốn triệu, một trăm nghìn*) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003382, ký hiệu BLTU/23P ngày 25/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành **án dân sự Thành phố H**).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV4 – TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Chính